

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SA ĐÉC
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 09-8-2022.

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình
về không công nhận quan hệ vợ chồng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Cao Thị Diệu Hiền

2. Ông Nguyễn Văn Minh

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Bích Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sa Đéc tham gia phiên tòa:
Ông Lê Tiến Trung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 22 tháng 7 và ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 166/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình về không công nhận quan hệ vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Thanh S, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số nhà 193, ấp V, xã T, huyện L, tỉnh Đ.

Tạm trú: Số nhà 179E, khóm H, phường Q, thành phố C, tỉnh Đ.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số nhà 10, Khóm X, Phường B, thành phố C, tỉnh Đ.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn anh Trần Thanh S trình bày:

Về hôn nhân: Anh S và chị L tự quen biết và tìm hiểu nhau khoảng 04 tháng thì tiến tới hôn nhân chung sống như vợ chồng từ tháng 02/2020, có tổ chức đám cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn do chị L chưa chịu đi đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống được 06 tháng thì chị L có đề nghị làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng anh S nhận thấy cả hai không phù hợp tính tình nên anh S không đồng ý. Sau khi cưới cả hai về sống chung bên nhà của chị L. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị L thường đi chơi với bạn bè về nhà kiếm chuyện cự cãi với anh S dù những chuyện nhỏ nhặt trong gia đình. Từ tháng 4/2021, anh S về nhà của anh, chị anh S sống và không còn liên lạc với chị L.

Nay anh S nhận thấy không còn tình cảm với chị L, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không thể hàn gắn trở lại chung sống được nên anh S yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng với chị L.

Về nuôi con chung, về chia tài sản chung, về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, anh S không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L:

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về việc hoãn phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng khác nhưng chị L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa cũng như các đương sự (nguyên đơn) đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của bộ luật tố tụng dân sự

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh S và chị Nguyễn Thị L;

Về nuôi con chung, chia tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Trần Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt và yêu cầu Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án, xét thấy trường hợp vắng mặt của anh S không thuộc trường hợp đình chỉ vụ án; Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh S và chị Nguyễn Thị L chung sống như vợ chồng từ năm 2020, trên cơ sở tự nguyện, tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, quan hệ hôn nhân của anh S và chị L là không hợp pháp, vi phạm Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý...”.

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...”.

Lẽ ra, trong quá trình chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2020 đến nay, anh S và chị L phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng anh S và chị L đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình chung sống với nhau, giữa anh S và chị L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả anh và chị đều không có niềm tin đối với nhau. Dẫn đến tình cảm giữa vợ chồng ngày càng bị tổn thương rạn nứt, không thể hàn gắn.

Tại phiên tòa hôm nay, anh S có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn chị L. Về phía chị L quá trình giải quyết vụ án chị L mặc dù biết anh S yêu cầu ly hôn nhưng chị không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không có thiện chí đến Tòa tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm với anh S. Từ đó, cho thấy chị L đã từ bỏ quyền lợi của mình, chị L không mong muốn hàn gắn tình cảm với anh S.

Tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này...”.

Do đó, anh S yêu cầu ly hôn với chị L là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, anh S và chị L không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận anh S và chị L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Anh S xác định quá trình chung sống với chị L không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh S xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Thanh S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*) theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Trần Thanh S và chị Nguyễn Thị L.

2. Về nuôi con chung, về chia tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Anh Trần Thanh S phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm (*về ly hôn*). Số tiền tạm ứng án phí anh S đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0000764 ngày 22/4/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THA Dân sự TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND TP. Sa Đéc;
- Chi cục THA Dân sự TP. Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh Đồng Tháp;
- VKS ND thành phố Sa Đéc;
- THA Dân sự thành phố Sa Đéc;
- Các đương sự;
- Lưu h/s.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Phấn